

Số: 26/2021/QĐST-HNGĐ

Ứng Hòa, ngày 05 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 339/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020, giữa:

* **Nguyên đơn:** A **Đặng Huy C** – sinh năm 1983

* **Bị đơn:** Chị **Đào Thị A** – sinh năm 1987

Đều có HKTT: thôn Đặng Giang, xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: A **Đặng Huy C** và chị **Đào Thị A**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tình cảm: A **Đặng Huy C** và chị **Đào Thị A** thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: A **Đặng Huy C** và chị **Đào Thị A** có 02 con chung là cháu **Đặng Huy Đức** – sinh ngày 31/12/2007 và **Đặng Huy Gia Bảo** – sinh ngày 21/01/2012. Giữ nguyên việc nuôi con như trước khi ly hôn; cụ thể, giao A **Công** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là **Đặng Huy Đức** và **Đặng Huy Gia Bảo**. A **Công** không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị **Đào Thị A** cho đến khi anh C có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản quyền thăm hỏi con chung.

2.3. Về công nợ chung: A Đặng Huy C và chị Đào Thị A đều xác nhận không có gì nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

2.4. Về tài sản, công sức chung: A Đặng Huy C và chị Đào Thị A thỏa thuận: A Đặng Huy C có trách nhiệm trả toàn trả chị Đào Thị A số tiền 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), (là giá trị một nửa ($\frac{1}{2}$) tiền, công sức đóng góp xây dựng nhà của chị A).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận việc A Công tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật 150.000đ, số tiền này được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí A Công đã nộp 300.000 đồng. Số tiền được hoàn trả là 150.000 đồng A Công tự nguyện sung công quỹ Nhà nước. (*Theo biên lai thu số 0009950 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa*).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THADS huyện Ứng Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Kiến

